

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II ngành Y học cổ truyền của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II sau Đại học;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH**

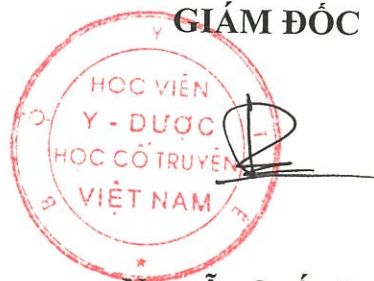
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II y học cổ truyền của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam”. Quy chế này áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2023-2024.

**Điều 3.** Trưởng các phòng: Đào tạo Sau đại học, Quản lý chất lượng, Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, các khoa, bộ môn và phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SDH.



Nguyễn Quốc Huy

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP II  
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 407 / QĐ-HVYDCT ngày 03 / 3 / 2023  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

**CHƯƠNG I**

**MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO**

**Điều 1. Mục tiêu**

1. Chuyên khoa cấp II (sau đây gọi tắt là CKII) là loại hình đào tạo sau đại học đặc thù của ngành y tế, nhằm mục đích đào tạo các chuyên gia y tế bậc cao, có khả năng thực hành giỏi trong một chuyên ngành hẹp.

2. CKII là bậc học tiếp theo của các bậc học: chuyên khoa cấp I (CKI), nội trú bệnh viện (NTBV), thạc sĩ, là bậc đào tạo cao nhất về thực hành và áp dụng cho tất cả các chuyên ngành lâm sàng và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực khoa học sức khỏe. Sau bậc đào tạo này, các cán bộ CKII tiếp tục tự học vươn lên và không ngừng hoàn thiện.

**Điều 2. Đối tượng đào tạo**

1. Bác sĩ CKI, hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành y học cổ truyền và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; có nguyện vọng học bác sĩ CKII; tự nguyện làm đơn xin dự thi.

2. Đối với nước ngoài muốn học bác sĩ CKII phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy chế này và phải được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

**Điều 3. Điều kiện dự thi tuyển**

1. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

2. Có đủ sức khỏe (theo quy định tại thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

3. Về thâm niên chuyên môn để dự thi: Sau khi tốt nghiệp bác sĩ CKI ngành y học cổ truyền hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành y học cổ truyền và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

#### **Điều 4. Hồ sơ xin dự tuyển gồm**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch (Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý).
3. Giấy khai sinh (Bản sao công chứng hợp lệ).
4. Giấy chứng nhận sức khỏe (theo quy định tại thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ảnh để trong phong bì).
6. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ)
7. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (Bản sao công chứng hợp lệ)
8. Công văn giới thiệu của cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (cơ sở y tế công lập), của địa phương đối với các đơn vị khác hoặc ngoài công lập.
9. Bằng tốt nghiệp và bảng điểm trình độ đại học; Chuyên khoa I/ Thạc sĩ chuyên ngành YHCT (Bản sao công chứng hợp lệ).  
Đối với ứng viên tốt nghiệp tại nước ngoài:
  - Bằng tốt nghiệp, bảng điểm, học vị (nếu có) (Bản sao công chứng hợp lệ)
  - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bản sao công chứng hợp lệ)
10. Bằng tốt nghiệp khác, bảng điểm (Bản sao công chứng hợp lệ)
11. Giấy chứng nhận ưu tiên (Nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).



12. Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (Nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

### **Điều 5. Hình thức đào tạo**

Có 2 hình thức đào tạo CKII:

- Hệ tập trung: Học viên học tập trung liên tục 02 năm tại Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học viên học tập trung thành từng đợt theo kế hoạch của Học viện. Thời gian học tập không ngắn hơn hệ tập trung và kéo dài không quá 04 năm.

Nội dung chương trình học tập của hai hình thức đào tạo nói trên là tương đương nhau.

## **CHƯƠNG II**

### **TỔ CHỨC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Cơ sở đào tạo**

1. Cơ sở đào tạo bác sĩ CKII là Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, kết hợp với bệnh viện, viện nghiên cứu hoặc các cơ sở thực hành khác; việc tổ chức đào tạo tại cơ sở thực hành thực hiện theo quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và phải được thể hiện rõ trong kế hoạch giảng dạy.

2. Tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo bác sĩ CKII:

a) Có chương trình đào tạo được phê duyệt.

b) Có đủ đội ngũ giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II. Số lượng tối thiểu 3 giảng viên chuyên ngành cho mỗi chuyên ngành đào tạo và không quá 1/3 là giảng viên thỉnh giảng.

Mỗi học viên học bác sĩ CKII phải có một giảng viên đủ tiêu chuẩn nói trên phụ trách trực tiếp. Một giảng viên chuyên ngành phụ trách tối đa 03 học viên.



c) Có bệnh viện và cơ sở thực hành đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Có cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ dạy học: phòng thí nghiệm, phương tiện giảng dạy, thư viện có tạp chí chuyên môn, giáo trình, sách giáo khoa.

### **Điều 7. Thi tuyển**

1. Đề thi tuyển sinh:

a) Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ CKII phải đảm bảo các điều kiện:

- Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ CKI/ thạc sĩ, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh.

- Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi.

- Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của cơ sở đào tạo, mức độ đề thi tương đương trình độ tốt nghiệp CKI.

b) Dạng thức đề thi do Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn.

c) Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

- Ra đề các môn Khoa học cơ sở, môn Chuyên ngành phải là tiến sĩ hoặc tương đương;

- Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

d) Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập:

- Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

- Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

đ) Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

e) Thang điểm của đề thi là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

f) Giám đốc Học viện quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của Học viện.

g) Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của Học viện; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

2. Tổ chức thi tuyển sinh: Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

3. Chấm thi tuyển sinh: Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

### **Điều 8. Các môn thi tuyển**

1. Môn ngoại ngữ: Một trong các ngoại ngữ: Anh, Trung. Mức độ đề thi tương đương trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 hoặc tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

2. Môn chuyên ngành: Y học cổ truyền, trình độ chuyên khoa I.

### **Điều 9. Hội đồng tuyển sinh**

Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

### **Điều 10. Điều kiện trúng tuyển**

1. Các môn thi đều phải đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10, làm tròn đến 0,5).

2. Tổng cộng điểm 2 môn được xếp theo thứ tự từ trên xuống để xét tuyển theo chỉ tiêu công bố.

3. Nếu số thí sinh đạt ít hơn số chỉ tiêu đào tạo thì cũng không lấy thêm.

4. Nếu thí sinh có các điều kiện xét tuyển như nhau ưu tiên thứ tự: điểm chuyên ngành; văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ; kết quả học tập; giới tính; dân tộc;...

### **Điều 11. Công nhận trúng tuyển**

Giám đốc Học viện ban hành quyết định công nhận trúng tuyển bác sĩ CKII.

### **Điều 12. Chương trình đào tạo bác sĩ CKII**

1. Khung chương trình gồm 66 tín chỉ, trong đó phần thực hành không ít hơn 50%, cụ thể như sau:

a) Học phần chung và học phần cơ sở và hỗ trợ chiếm khoảng 24%.



b) Các học phần chuyên ngành chiếm khoảng 66%.

c) Luận văn, thi tốt nghiệp chiếm khoảng 10%.

## 2. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ Bác sĩ CKII và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

b) Mỗi khóa học, Giám đốc Học viện phải xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

c) Giám đốc Học viện quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo bác sĩ CKII phù hợp định hướng, chiến lược và tầm nhìn của Học viện.

### **Điều 13. Tổ chức đào tạo**

1. Đào tạo trình độ bác sĩ CKII được thực hiện theo học chế tín chỉ.

a) Các khóa học trình độ bác sĩ CKII được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

b) Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo bác sĩ CKII được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; ưu tiên thời gian học viên tự nghiên cứu và tự học nhằm coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

c) Đầu khóa học, phòng Đào tạo Sau đại học thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch học tập; thời gian tổ chức thi tốt nghiệp; và các quy định của Nhà trường có liên quan đến khóa học. Khoa/viện/bộ môn sẽ chịu trách nhiệm cung cấp đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch kiểm tra, thi, ngay khi bắt đầu học phần về phòng Đào tạo Sau đại học và học viên.

d) Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: Mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần. Đề cương cũng phải nêu rõ hình thức và phương pháp đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy định này.

2. Giảng viên đào tạo bác sĩ CKII là người làm nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ bác sĩ CKII hoặc hướng dẫn học viên thực hiện đề tài luận văn bác sĩ CKII.

a) Đối với học phần cơ sở và hỗ trợ, hướng dẫn thực hành: giảng viên phải có bằng CKII hoặc Tiến sĩ hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học hoặc là giảng viên chính/bác sĩ chính/dược sĩ chính trở lên.

b) Đối với học phần chuyên ngành: giảng viên phải có bằng CKII hoặc Tiến sĩ hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư hoặc Tiến sĩ khoa học; giảng viên chính/ bác sĩ chính/ dược sĩ chính là trợ giảng.

c) Đối với người hướng dẫn luận văn tốt nghiệp bác sĩ CKII: Thực hiện theo Quy định đối với người hướng dẫn luận văn, luận án sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

3. Học viên sinh con trong thời gian học, thực hiện chế độ thai sản theo đúng quy định hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con.

#### **Điều 14. Đánh giá các học phần**

1. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành: căn cứ vào tỷ lệ từng phần để tổng hợp thành điểm chung.

2. Các học phần chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

3. Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 5 điểm trở lên.

4. Học viên có điểm thi hết học phần không đạt, được dự thi học phần đó lần hai, nếu vẫn không đạt, phải học lại và thi lại học phần đó. Nếu học phần đó là học phần tự chọn thì có thể chọn học một học phần tự chọn khác cùng nhóm tự chọn theo quy định trong chương trình đào tạo. Kinh phí học lại, thi



lại và học chuyển sang học phần khác do có điểm thi không đạt do học viên đóng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Hình thức thi kết thúc học phần: Thi kết thúc học phần (TKTHP) được thực hiện khi đã hoàn thành toàn bộ nội dung của học phần. Hình thức TKTHP được quy định như sau:

a) Lý thuyết: Viết hoặc báo cáo chuyên đề/hoặc tự luận/hoặc thi test trắc nghiệm khách quan (ngoại trừ học phần tin học nâng cao) hoặc hình thức khác do Giám đốc quyết định phù hợp với học phần trên cơ sở đề xuất của đơn vị phụ trách học phần.

b) Thực hành/lâm sàng: Thi thực hành hoặc tình huống ca bệnh lâm sàng.

6. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

a) Học viên phải hoàn thành chế độ tài chính đối với học viên bác sĩ CKII do Nhà trường quy định (nếu có). Phòng Tài chính - kế toán gửi danh sách học viên chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Phòng đào tạo sau đại học trước khi tổ chức thi học phần 1 tuần.

b) Với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: học viên phải tham gia học thực hành đầy đủ và tham gia học trên 80% số tiết học lý thuyết quy định của học phần đó. Nghỉ học thực hành phải học bù đầy đủ mới được xét dự thi kết thúc học phần. Học viên chỉ đăng ký thi lý thuyết sau khi hoàn thành điểm thi thực hành. Học viên không đủ điều kiện thi kết thúc học phần phải làm thủ tục học lại và chi trả theo đúng quy định hiện hành.

c) Học viên nghỉ học lý thuyết quá 20% số giờ lý thuyết ở học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó. Chi phí học lại do học viên chi trả theo quy định hiện hành.

d) Có đủ các điểm kiểm tra thành phần theo quy định của từng học phần.

đ) Với các học phần thực hành chuyên ngành: Bộ môn quy định các chỉ tiêu thực hành cho từng học phần. Học viên chỉ đủ điều kiện thi kết thúc học phần thực hành chuyên ngành nếu đạt từ 90% chỉ tiêu thực hành quy định cho học phần đó.



e) Với các học phần có tham gia trực tại bệnh viện, học viên phải tham gia trực theo lịch phân công của Khoa/bộ môn chuyên môn. Nếu học viên bỏ trực 01 buổi không có lý do chính đáng sẽ học lại và chịu hình thức kỷ luật của Học viện.

f) Học viên muốn hoãn thi phải nộp đơn có ý kiến của Trưởng Khoa/bộ môn chuyên môn, cùng các giấy tờ có liên quan cho Phòng đào tạo sau đại học trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần và phải thi trả nợ học phần trong kỳ thi kế tiếp.

g) Trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần, Khoa/bộ môn chuyên môn gửi danh sách học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần cho Phòng đào tạo sau đại học. Việc tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện trong tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần đối với cả thi kết thúc học phần lý thuyết và thi kết thúc học phần thực hành trừ những học phần thi kết thúc học phần bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm thì thực hiện theo lịch của Phòng đào tạo sau đại học. Và đảm bảo thời gian môn thi tối thiểu 2/3 ngày/1 tín chỉ.

h) Thời gian đánh giá kết thúc học phần được tổ chức sau khi hoàn thành thời gian học theo kế hoạch của Học viện như sau:

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ tối đa không quá 30 ngày sau khi kết thúc học phần.

- Thời gian trả kết quả đánh giá: chậm nhất 07 ngày làm việc sau khi kết thúc đánh giá phần nội dung giảng dạy môn học/học phần do bộ môn đảm nhiệm, bộ môn phải chấm và gửi bảng điểm về Phòng đào tạo sau đại học.

i) Hình thức đánh giá kết thúc học phần: Bộ môn tham gia giảng dạy đề xuất hình thức đánh giá kết thúc phần nội dung giảng dạy theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

7. Trong trường hợp đặc biệt Giám đốc Học viện quyết định hình thức đánh giá kết thúc học phần, đơn vị tổ chức đánh giá, chấm đánh giá và Trưởng

khoa chịu trách nhiệm tổng kết điểm học phần gửi về phòng Đào tạo sau đại học đúng thời gian quy định.

### **Điều 15. Luận văn**

1. Người hướng dẫn bác sĩ CKII làm luận văn tốt nghiệp do Giám đốc Học viện xem xét và quyết định.

2. Đề cương luận văn tốt nghiệp bác sĩ CKII: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

3. Hướng dẫn luận văn: Người hướng dẫn phải đảm bảo đủ điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 điều 13 của quy định này. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và phân công người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai.

4. Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

5. Điều kiện học viên được bảo vệ luận văn tốt nghiệp

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, thi tốt nghiệp môn chuyên ngành đạt yêu cầu ( $\geq 5$  điểm);

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày bảo vệ luận văn.

c) Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính;

d) Luận văn tốt nghiệp đảm bảo đủ điều kiện quy định tại điều 15 của quy định này;

- d) Có lý lịch khoa học xác nhận của Học viện;
- e) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- f) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn;
- g) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan về kết quả nghiên cứu trung thực và có xác nhận của người hướng dẫn bằng văn bản khẳng định chất lượng luận văn, có nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của học viên và đề nghị cho học viên được bảo vệ luận văn;

#### 6. Quy trình thực hiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp

a) Căn cứ vào lịch bảo vệ, học viên hoàn thiện luận văn và nộp hồ sơ xin bảo vệ về Khoa Y học lâm sàng (ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ) hồ sơ bảo vệ gồm:

- Luận văn hoàn chỉnh, hình thức đúng quy định, có ý kiến đồng ý đưa ra bảo vệ của người hướng dẫn (7 cuốn);

- Lý lịch khoa học của học viên (có mẫu);

- Bản nhận xét quá trình học tập của học viên có xác nhận của Khoa Y học lâm sàng;

- Danh sách đề nghị Hội đồng chấm luận văn của đơn vị đào tạo (gồm 7 thành viên);

- Bản nhận xét của người hướng dẫn về học viên trong thời gian thực hiện đề tài;

- Bản sao (không cần công chứng) bằng tốt nghiệp Đại học, bác sĩ CKI hoặc thạc sĩ;

- Giấy xác nhận đóng học phí và lệ phí học tập.

- Bài báo khoa học liên quan đến đề tài (nếu có, đóng cùng luận văn sau phần Khuyến nghị):

- + Bài báo: Phô tô trang bìa tạp chí, trang mục lục và toàn văn bài báo;



+ Giấy xác nhận đăng bài: Bản chính giấy xác nhận đăng bài và toàn văn bài báo gửi đăng;

- Danh sách đối tượng nghiên cứu có xác nhận của cơ quan nơi thu thập số liệu và người hướng dẫn;

- Giấy đề xuất 02 thành viên không mong muốn tham dự Hội đồng (nếu có); để trong phong bì dán kín ghi rõ gửi Trưởng phòng Đào tạo sau đại học cùng hồ sơ bảo vệ.

b) Khoa Y học lâm sàng gửi 1 cuốn luận văn và hồ sơ của học viên về Phòng Đào tạo sau đại học trước ngày bảo vệ của học viên ít nhất là 15 ngày làm việc.

c) Phòng Đào tạo sau đại học trình Giám đốc ra Quyết định thành lập Hội đồng chấm và gửi quyết định, giấy mời về Khoa y học lâm sàng trước ngày bảo vệ luận văn ít nhất là 7 ngày.

d) Khoa Y học lâm sàng gửi luận văn, mẫu nhận xét luận văn, quyết định, giấy mời đến các thành viên Hội đồng và người hướng dẫn trước ngày bảo vệ luận văn ít nhất là 5 ngày.

đ) Các thành viên Hội đồng gửi bản nhận xét hoặc góp ý về luận văn về Phòng Đào tạo sau đại học trước ngày bảo vệ luận văn của học viên.

e) Sau ngày bảo vệ luận văn tối đa 10 ngày làm việc, học viên phải nộp 01 luận văn đã chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng); 01 đĩa CD chứa toàn bộ nội dung của luận văn cho Phòng Đào tạo sau đại học cùng xác nhận đã nộp quyền luận văn và đĩa CD của Thư viện, và gửi bản mềm về hộp thư [saudaihocydct@gmail.com](mailto:saudaihocydct@gmail.com) để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ, công khai theo quy định.

### **Điều 16. Thi tốt nghiệp**

1. Điều kiện thi tốt nghiệp: Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo bác sĩ CKII quy định tại Điều 12 và đạt điểm kết thúc các môn học/học phần quy định tại Điều 14, không vi phạm kỷ luật trong quá trình học tập.

2. Thi tốt nghiệp gồm bảo vệ luận văn, môn chuyên ngành, các điểm thi tốt nghiệp đều phải đạt từ 5 điểm trở lên (thang điểm 10):

a) Môn thi chuyên ngành: thi lý thuyết và thực hành. Điểm của mỗi phần được giữ độc lập;

b) Bảo vệ luận văn tốt nghiệp: Luận văn tốt nghiệp được trình bày trước hội đồng chấm luận văn trong 20 phút;

3. Hội đồng thi tốt nghiệp do Giám đốc Học viện quyết định thành lập.

4. Hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp bác sĩ CKII: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

5. Đánh giá luận văn tốt nghiệp bác sĩ CKII: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

6. Thẩm định luận văn tốt nghiệp bác sĩ CKII: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### **Điều 17. Công nhận tốt nghiệp**

1. Giám đốc Học viện ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp bác sĩ CKII.

2. Học viên tốt nghiệp được cấp bằng Bác sĩ Chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học cổ truyền.

3. Giám đốc Học viện ký bằng tốt nghiệp.

### **CHƯƠNG III**

#### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌC VIÊN**

##### **Điều 18. Nhiệm vụ**

1. Học viên phải chấp hành đầy đủ các quy chế, quy định về đào tạo bác sĩ CKII, các quy chế, quy định của cơ sở thực hành và Học viện.

2. Học viên phải hoàn thành kế hoạch học tập và thi tốt nghiệp đúng thời hạn quy định. Học viên có lý do chính đáng có thể được tạm dừng học tập một lần và được bảo lưu kết quả học tập 1 năm.

3. Học viên muốn chuyển chuyên ngành đào tạo phải được sự đồng ý của cơ sở đào tạo và Bộ Y tế, phải học và thi lại các môn còn thiếu.

4. Học viên thuộc chỉ tiêu ngân sách Nhà nước thì đóng học phí theo quy định. Các học viên khác phải đóng kinh phí đào tạo, mức đóng góp theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Học viện.

5. Học viên đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của Học viện.

6. Học viên tham gia hướng dẫn thực tập cho các lớp sinh viên khi được phân công.

7. Học viên vi phạm quy chế học tập, quy chế thi, quy chế bệnh viện sẽ bị kỷ luật theo quy định hiện hành.

8. Học viên đi thi hộ, kiểm tra hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, kiểm tra hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

### **Điều 19. Quyền lợi**

1. Học viên được sử dụng thư viện, các tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm để phục vụ học tập, nghiên cứu và làm luận văn tốt nghiệp.

2. Lương và sinh hoạt phí của học viên do đơn vị cử cán bộ đi học chi trả. Trong thời gian hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, được Học viện xác nhận để đơn vị thực hiện quyền lợi của học viên hàng năm theo quy định của Nhà nước.

3. Học viên sau khi tốt nghiệp có quyền được học tập bổ sung và học tập tiếp trình độ tiến sĩ (theo quy định tại mục h, khoản 5, điều 1 Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam) nếu có nhu cầu.



4. Sau khi tốt nghiệp, học viên trở lại đơn vị cử đi học, được dự thi/ xét nâng hạng nghề nghiệp theo quy định của Nhà nước.

## CHƯƠNG IV

### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN

#### Điều 20. Nhiệm vụ

1. Giảng viên có nhiệm vụ tham gia xây dựng kế hoạch bài giảng và biên soạn bài giảng theo nhiệm vụ được phân công.

2. Hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc học viên học tập đảm bảo đúng kế hoạch và chất lượng đào tạo.

#### Điều 21. Quyền lợi

1. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

2. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

3. Được hưởng chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ bác sĩ CKII theo quy định của Nhà nước và Học viện.

4. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ bác sĩ CKII.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

6. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện nghiên cứu đề tài;

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực thành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo trong trường hợp: sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định phân công người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị cơ sở đào tạo cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp ứng các yêu cầu quy định.

## CHƯƠNG V

### TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### **Điều 22. Trách nhiệm của Học viện**

1. Học viện quản lý toàn bộ quá trình đào tạo theo quy chế.
2. Học viện có trách nhiệm kết hợp với bệnh viện thực hành trong quá trình đào tạo đảm bảo việc thực hành cho học viên chuyên khoa.
3. Giám đốc Học viện gửi văn bản báo cáo Bộ Y tế (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) về kết quả sau mỗi kỳ thi tuyển sinh hoặc thi tốt nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công nhận trúng tuyển hoặc tốt nghiệp.

#### **Điều 23. Trách nhiệm của viện, bệnh viện và cơ sở thực hành khác**

1. Các viện, bệnh viện và cơ sở y tế được Học viện đề nghị là cơ sở thực hành và Bộ Y tế công nhận, có trách nhiệm cùng tham gia đào tạo với Học viện đảm bảo kế hoạch nhiệm vụ được phân công.
2. Các viện/bệnh viện khác có thể là cơ quan phối hợp với Học viện trong việc giảng dạy chuyên môn cho học viên, hoặc có nhu cầu.

#### **Điều 24. Kinh phí đào tạo**

Học viện được phép quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo bác sĩ CKII và các nguồn thu khác theo quy định.

## CHƯƠNG VI

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Quy định này gồm 6 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành, các quy định, hướng dẫn trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ và áp dụng cho các khối tuyển sinh từ năm 2023.

2. Phòng Đào tạo sau đại học, Viện/Khoa/Bộ môn, các đơn vị liên quan và cá nhân tham gia đào tạo trình độ bác sĩ CKII của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cá nhân và các đơn vị trao đổi, phản ánh để Học viện nghiên cứu, bổ sung và chỉnh sửa phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, sau khi dựa vào đề xuất hoặc tham khảo các đơn vị liên quan, Giám đốc Học viện quyết định bổ sung các quy định phù hợp với quy định hiện hành để bảo đảm: chất lượng đào tạo, kế hoạch của khoá đào tạo, quyền lợi của học viên./

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quốc Huy**





Số: 406 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3926/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2023-2024

**Điều 3.** Trưởng các phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, các khoa, bộ môn và phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SDH.



Số: 406 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3926/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

## QUYẾT ĐỊNH

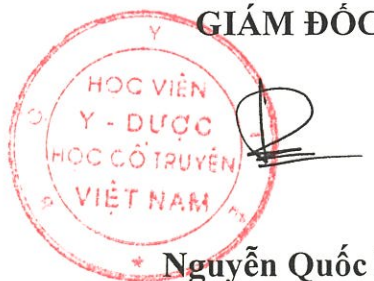
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2023-2024

**Điều 3.** Trưởng các phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, các khoa, bộ môn và phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SDH.





## QUY CHẾ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP I

(Kèm theo Quyết định số 406/QĐ-HVYDCT ngày 03 tháng 3 năm 2023  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

### CHƯƠNG I

#### MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

##### Điều 1. Mục tiêu

Chuyên khoa cấp I (sau đây gọi tắt là CKI) là loại hình đào tạo sau đại học đặc thù của ngành y tế, áp dụng cho tất cả các chuyên ngành lâm sàng và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực khoa học sức khỏe nhằm mục đích đào tạo nhân lực y tế có khả năng thực hành trong một chuyên ngành rộng, bổ sung một số kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở đã học trong đại học nhằm có thể tự học vươn lên thành các chuyên gia thực hành chuyên khoa sâu.

##### Điều 2. Đối tượng đào tạo

1. Bác sĩ tốt nghiệp hệ chính quy hoặc không chính quy chuyên ngành YHCT Dược học, hoặc ngành phù hợp; có nguyện vọng học chuyên khoa I, công tác trong cơ sở y tế, thực hành nghề nghiệp; có các điều kiện quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người nước ngoài muốn học chuyên khoa I phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy chế này và phải được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

##### Điều 3. Điều kiện dự thi tuyển

##### 1. Các học viên có đủ các điều kiện sau đây được dự thi tuyển đào tạo trình độ chuyên khoa I ngành YHCT

- Thí sinh tốt nghiệp bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi;

- Thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề bác sĩ y học cổ truyền; Riêng với những bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc;



- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận;

- Có đủ sức khoẻ học tập theo quy định hiện hành.

**2. Các học viên có đủ các điều kiện sau đây được dự thi tuyển đào tạo trình độ chuyên khoa I ngành Châm cứu:**

- Thí sinh tốt nghiệp bác sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi;

- Thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề bác sĩ y học cổ truyền hoặc ngành phù hợp; Riêng với những bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc;

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận;

- Có đủ sức khoẻ học tập theo quy định hiện hành.

**3. Các học viên có đủ các điều kiện sau đây được dự thi tuyển đào tạo trình độ chuyên khoa I ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền:**

- Có Bằng tốt nghiệp Dược sỹ đại học.

- Có Chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược hoặc có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng sau tốt nghiệp Dược sỹ Đại học.

- Có công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận;

- Có đủ sức khoẻ học tập theo quy định hiện hành.

**Điều 4. Hồ sơ xin dự tuyển gồm:**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý)
3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe (dùng cho người đủ 18 tuổi trở lên theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2013).

5. 04 ảnh 3x4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận

6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.

7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (công chứng) (đối với thí sinh dự thi chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền hoặc chuyên khoa I ngành Châm cứu); Chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược hoặc xác nhận thời gian làm việc (đối với thí sinh dự thi chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu-Dược học cổ truyền)

8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (công chứng)

9. Công văn cử đi dự thi tuyển CKI của cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (cơ sở y tế công lập), của địa phương đối với các đơn vị khác cơ sở y tế công lập hoặc ngoài công lập.

10. Bản sao bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học (công chứng)

11. Bản sao bằng tốt nghiệp khác, bằng điểm (công chứng)

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, công chứng).

#### **Điều 5. Hình thức và thời gian đào tạo:**

- Hệ tập trung: Học tập trung liên tục 02 năm tại Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

- Hệ tập trung theo chứng chỉ hoặc hệ chứng chỉ: học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện;

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập không ngắn hơn thời gian hệ tập trung, kéo dài không quá 05 năm;

Hệ chứng chỉ: Sau khi trúng tuyển, học viên đăng ký học và thi các chứng chỉ của các học phần trong chương trình tại cơ sở đào tạo. Thời gian học tập từ 4-5 năm. Học viên đăng ký học thực hành tại một cơ sở thực hành của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam được Bộ Y tế công nhận dưới sự hướng dẫn của giảng viên trường đại học và giảng viên kiêm nhiệm.

Nội dung chương trình học tập của các hình thức đào tạo nói trên là tương đương nhau.



## CHƯƠNG II

### TỔ CHỨC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### **Điều 6. Cơ sở đào tạo**

1. Cơ sở đào tạo Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền, ngành châm cứu, ngành Dược liệu-dược học cổ truyền là Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam (sau đây gọi tắt là Học viện), kết hợp với bệnh viện, viện nghiên cứu hoặc các cơ sở thực hành khác.

2. Tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo Chuyên khoa I:

a) Có chương trình đào tạo được phê duyệt.

b) Có đủ đội ngũ giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II. Số lượng tối thiểu 3 giảng viên chuyên ngành cho mỗi chuyên ngành đào tạo và không quá 1/3 là giảng viên thỉnh giảng.

Bác sĩ chính, dược sĩ chính có trình độ chuyên khoa I và thạc sĩ có thể tham gia giảng dạy với tư cách trợ giảng.

Mỗi giảng viên chuyên ngành phụ trách tối đa 10 học viên.

c) Có bệnh viện và cơ sở thực hành đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Có cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ dạy học: phòng thí nghiệm, phương tiện giảng dạy, thư viện có tạp chí chuyên môn, giáo trình, sách giáo khoa.

#### **Điều 7. Thi tuyển**

1. Đề thi tuyển sinh:

a) Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ Chuyên khoa I phải đảm bảo các điều kiện:

- Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh.

- Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi.

- Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của cơ sở đào tạo, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

b) Dạng thức đề thi do Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề nghị của trường đơn vị chuyên môn.



c) Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

- Ra đề các môn cơ sở, môn Chuyên ngành phải là tiến sĩ hoặc tương đương;

- Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

d) Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập

- Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

- Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

đ) Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

e) Thang điểm của đề thi là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

f) Giám đốc Học viện quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của Học viện.

g) Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của Học viện; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

2. Tổ chức thi tuyển sinh: Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

3. Chấm thi tuyển sinh: Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### **Điều 8. Các môn thi tuyển**

##### **a) Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền**

- Môn thi 1: Sinh lý.
- Môn thi 2: Chuyên ngành Y học cổ truyền

##### **b) Chuyên khoa I ngành châm cứu và phương pháp không dùng thuốc**

- Môn thi 1: Giải phẫu
- Môn thi 2: Chuyên ngành Y học cổ truyền

##### **c) Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền**

- Môn thi 1: Hóa phân tích
- Môn thi 2: Chuyên ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền

#### **Điều 9. Hội đồng tuyển sinh:**

Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### **Điều 10. Điều kiện trúng tuyển**

1. Các môn thi đều phải đạt từ 5,0 trở lên (thang điểm 10, làm tròn đến 0,5).
2. Tổng cộng điểm 2 môn được xếp theo thứ tự từ trên xuống để xét tuyển theo chỉ tiêu công bố.

3. Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đạt điểm các môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định này. Nếu số thí sinh đạt ít hơn số chỉ tiêu đào tạo thì cũng không lấy thêm.

4. Nếu thí sinh có các điều kiện xét tuyển như nhau ưu tiên thứ tự: điểm chuyên ngành; kết quả học tập đại học; giới tính nữ; dân tộc thiểu số;...

#### **Điều 11. Công nhận trúng tuyển**

Giám đốc Học viện ban hành quyết định công nhận trúng tuyển Chuyên khoa cấp I.

#### **Điều 12. Chương trình đào tạo Chuyên khoa I**

1. Khung chương trình tương đương 65-70 tín chỉ cho từng chuyên khoa, trong đó phần thực hành không ít hơn 50%, cụ thể như sau:

- a) Các môn chung (Triết học, ngoại ngữ, tin học...) chiếm khoảng 10% - 20%
- b) Các môn cơ sở và hỗ trợ chiếm khoảng 10%-20%.
- c) Môn chuyên ngành: không ít hơn 60%.



## 2. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ Chuyên khoa I và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

b) Mỗi khóa học, Giám đốc Học viện phải xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

c) Giám đốc Học viện quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo Chuyên khoa I phù hợp định hướng, chiến lược và tầm nhìn của Học viện đối với ngành đào tạo.

### **Điều 13. Tổ chức đào tạo**

1. Đào tạo trình độ chuyên khoa I được thực hiện theo học chế tín chỉ.

a) Các khóa học trình độ CKI được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập hoặc từng đợt theo kế hoạch để thực hiện chương trình đào tạo.

b) Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo CKI được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

c) Đầu khóa học, Phòng đào tạo sau đại học thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch học tập; thời gian tổ chức thi tốt nghiệp; và các quy định của Nhà trường có liên quan đến khóa học. Khoa/viện/bộ môn sẽ chịu trách nhiệm cung cấp đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch kiểm tra, thi, ngay khi bắt đầu học phần về Phòng đào tạo sau đại học và học viên.

d) Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần. Đề cương cũng phải nêu rõ



hình thức và phương pháp đánh giá theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Quy định này.

2. Giảng viên đào tạo CKI là người làm nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ CKI

a) Đối với học phần cơ sở và hỗ trợ, hướng dẫn thực hành: giảng viên phải có bằng CKII hoặc Tiến sĩ hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học hoặc là giảng viên chính/bác sĩ chính/được sĩ chính trở lên.

b) Đối với học phần chuyên ngành: giảng viên phải có bằng CKII hoặc Tiến sĩ hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư hoặc Tiến sĩ khoa học; Giảng viên chính/bác sĩ chính/được sĩ chính trở lên có trình độ chuyên khoa I, thạc sĩ có thể tham gia giảng dạy với tư cách trợ giảng.

3. Học viên sinh con trong thời gian học, thực hiện chế độ thai sản theo đúng quy định hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và trẻ con.

#### **Điều 14. Đánh giá các học phần**

1. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành: căn cứ vào tỷ lệ từng phần để tổng hợp thành điểm chung.

2. Các học phần chuyên ngành: điểm lý thuyết và lâm sàng tính độc lập.

3. Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 5 điểm trở lên.

4. Học viên có ít hơn hoặc bằng 1/3 số chứng chỉ không đạt, được thi lần 2; có quá 1/3 chứng chỉ không đạt hoặc có bất kỳ chứng chỉ nào thi lần 2 không đạt, buộc phải thôi học.

5. Hình thức thi kết thúc học phần: Thi kết thúc học phần (TKTHP) được thực hiện khi đã hoàn thành toàn bộ nội dung của học phần. Hình thức TKTHP được quy định như sau:

a) Lý thuyết: Viết hoặc báo cáo chuyên đề/hoặc tự luận/hoặc thi test trắc nghiệm khách quan (ngoại trừ học phần Tiếng Anh, Tin học ứng dụng) hoặc hình thức khác do Giám đốc quyết định phù hợp với học phần trên cơ sở đề xuất của đơn vị phụ trách học phần.

b) Thực hành/lâm sàng: Thi thực hành hoặc tình huống ca bệnh lâm sàng.

6. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

a) Học viên phải hoàn thành chế độ tài chính đối với học viên CKI do Nhà trường quy định (nếu có). Phòng Tài chính - kế toán gửi danh sách học

viên chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Phòng đào tạo sau đại học trước khi tổ chức thi học phần 1 tuần.

b) Với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: học viên phải tham gia học thực hành đầy đủ và tham gia học trên 80% số tiết học lý thuyết quy định của học phần đó. Nghỉ học thực hành phải học bù đầy đủ mới được xét dự thi kết thúc học phần. Học viên chỉ đăng ký thi lý thuyết sau khi hoàn thành điểm thi thực hành. Học viên không đủ điều kiện thi kết thúc học phần phải làm thủ tục học lại và chi trả theo đúng quy định hiện hành.

c) Học viên nghỉ học lý thuyết quá 20% số giờ lý thuyết ở học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó. Chi phí học lại do học viên chi trả theo quy định hiện hành.

d) Có đủ các điểm kiểm tra thành phần theo quy định của từng học phần.

đ) Với các học phần thực hành chuyên ngành: Bộ môn quy định các chỉ tiêu thực hành cho từng học phần. Học viên chỉ đủ điều kiện thi kết thúc học phần thực hành chuyên ngành nếu đạt từ 90% chỉ tiêu thực hành quy định cho học phần đó.

e) Với các học phần có tham gia trực tại bệnh viện, học viên phải tham gia trực theo lịch phân công của Khoa/bộ môn chuyên môn. Nếu học viên bỏ trực 01 buổi không có lý do chính đáng sẽ học lại và chịu hình thức kỷ luật của Học viện.

f) Học viên muốn hoãn thi phải nộp đơn có ý kiến của Trưởng Khoa/bộ môn chuyên môn, cùng các giấy tờ có liên quan cho Phòng đào tạo sau đại học trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần và phải thi trả nợ học phần trong kỳ thi kế tiếp.

g) Trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần, Khoa/bộ môn chuyên môn gửi danh sách học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần cho Phòng đào tạo sau đại học. Việc tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện trong tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần đối với cả thi kết thúc học phần lý thuyết và thi kết thúc học phần thực hành trừ những học phần thi kết thúc học phần bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm thì thực hiện theo lịch của Phòng đào tạo sau đại học. Và đảm bảo thời gian môn thi tới thiểu 2/3 ngày/1 tín chỉ.

h) Thời gian đánh giá kết thúc học phần được tổ chức sau khi hoàn thành thời gian học theo kế hoạch của Học viện như sau:



- Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ tối đa không quá 30 ngày sau khi kết thúc học phần.

- Thời gian trả kết quả đánh giá: chậm nhất 07 ngày làm việc sau khi kết thúc đánh giá phần nội dung giảng dạy môn học/học phần do bộ môn đảm nhiệm, bộ môn phải chấm và gửi bảng điểm về Phòng đào tạo sau đại học.

i) Hình thức đánh giá kết thúc học phần: Bộ môn tham gia giảng dạy đề xuất hình thức đánh giá kết thúc phần nội dung giảng dạy theo quy định tại Khoản 1 Điều 13.

7. Trong trường hợp đặc biệt Giám đốc Học viện quyết định hình thức đánh giá kết thúc học phần, đơn vị tổ chức đánh giá, chấm đánh giá và Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổng kết điểm học phần gửi về phòng Đào tạo sau đại học đúng thời gian quy định.

#### **Điều 15. Thi tốt nghiệp**

1. Điều kiện thi tốt nghiệp: Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo Chuyên khoa I quy định tại Điều 12 và đạt điểm kết thúc các môn học/học phần quy định tại Điều 14, không vi phạm kỷ luật trong quá trình học tập.

2. Thi tốt nghiệp môn chuyên ngành các điểm thi tốt nghiệp đều phải đạt từ 5 điểm trở lên (thang điểm 10):

Môn thi chuyên ngành: thi lý thuyết và thực hành. Điểm của mỗi phần được giữ độc lập;

3. Hội đồng thi tốt nghiệp do Giám đốc Học viện quyết định thành lập.

#### **Điều 16. Công nhận tốt nghiệp**

1. Giám đốc Học viện ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa I

2. Học viên tốt nghiệp được cấp bằng Chuyên khoa cấp I theo ngành đào tạo.

3. Giám đốc Học viện ký bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng kèm theo.



### **CHƯƠNG III**

#### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌC VIÊN**

##### **Điều 17. Nhiệm vụ**

Học viên phải chấp hành đầy đủ các quy chế, quy định về đào tạo CKI, các quy chế, quy định của cơ sở thực hành và Học viện.

Học viên phải hoàn thành kế hoạch đào tạo đúng thời hạn quy định. Học viên có lý do chính đáng có thể tạm dừng học tập một lần và được bảo lưu kết quả học tập 01- 02 năm.

Học viên muốn chuyển chuyên ngành đào tạo phải được sự đồng ý của Học viện và Bộ Y tế, phải thi các môn học/học phần còn thiếu.

Học viên thuộc chỉ tiêu ngân sách nhà nước thì đóng học phí theo quy định. Các học viên khác phải đóng kinh phí đào tạo, mức đóng góp theo quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện hiện hành.

##### **Điều 18. Quyền lợi**

Học viên được sử dụng thư viện, các tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm phục vụ cho học tập.

Trong thời gian học tập, lương, phụ cấp và mọi quyền lợi khác của học viên do đơn vị cử đi học thực hiện theo quy định hiện hành.

Sau khi tốt nghiệp trở lại cơ quan cử đi học, được dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định hiện hành.

Học viên tốt nghiệp CKI xếp loại xuất sắc được xem xét chuyển tiếp CKII, nhưng vẫn phải đủ thời gian thâm niên quy định của quy chế đào tạo CKII mới được cấp bằng.

##### **Điều 19. Liên thông các loại hình đào tạo**

Theo quy định của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo về liên thông chuyển đổi các loại hình đào tạo CKI, thạc sĩ trong lĩnh vực y tế.

## CHƯƠNG IV

### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN

#### **Điều 20. Nhiệm vụ**

Giảng viên có nhiệm vụ tham gia xây dựng kế hoạch bài giảng và biên soạn bài giảng theo nhiệm vụ được phân công.

Hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc học viên học tập đảm bảo đúng kế hoạch và chất lượng đào tạo.

Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

#### **Điều 21. Quyền lợi**

Được hưởng chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ bác sĩ CKI theo quy định của Nhà nước và Học viện.

Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ bác sĩ CKI

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG V

### TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### **Điều 22. Trách nhiệm của Học viện**

1. Học viện quản lý toàn bộ quá trình đào tạo theo quy chế đào tạo chuyên cấp I.

2. Học viện có trách nhiệm kết hợp với bệnh viện, các đơn vị thực hành trong quá trình đào tạo đảm bảo việc thực hành cho học viên chuyên khoa.

3. Giám đốc Học viện gửi văn bản báo cáo Bộ Y tế (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) về kết quả sau mỗi kỳ thi tuyển sinh hoặc thi tốt nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công nhận trúng tuyển hoặc tốt nghiệp.

#### **Điều 23. Trách nhiệm của viện, bệnh viện và cơ sở thực hành khác**

1. Các viện, bệnh viện và cơ sở y tế và các đơn vị thực hành khác /được Học viện đề nghị là cơ sở thực hành và Bộ Y tế công nhận, có trách nhiệm cùng tham gia đào tạo với Học viện đảm bảo kế hoạch nhiệm vụ được phân công.

2. Các viện/bệnh viện/các đơn vị liên quan có thể là cơ quan phối hợp với Học viện trong việc giảng dạy chuyên môn cho học viên khi được yêu cầu.

#### **Điều 24. Kinh phí đào tạo**

Học viện được phép quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo chuyên khoa I và các nguồn thu khác theo quy định.

### **CHƯƠNG VI**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Quy định này gồm 6 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, các quy định, hướng dẫn trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

2. Phòng Đào tạo sau đại học, Viện/Khoa/Bộ môn, các đơn vị liên quan và cá nhân tham gia đào tạo trình độ Chuyên khoa của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cá nhân và các đơn vị trao đổi, phản ánh để Học viện nghiên cứu, bổ sung và chỉnh sửa phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, sau khi dựa vào đề xuất hoặc tham khảo các đơn vị liên quan, Giám đốc Học viện quyết định bổ sung các quy định phù hợp với quy định hiện hành để bảo đảm: chất lượng đào tạo, kế hoạch của khoá đào tạo, quyền lợi của học viên./.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quốc Huy**



**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền  
của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 05 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo Bác sĩ nội trú cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Căn cứ thông tư liên tịch số 30/2003/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 01 tháng 07 năm 2003 của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn việc chuyển đổi giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2023 và thay thế Quyết định số 28/QĐ-HVYDHCT-SĐH ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam quy định về việc đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông/bà Trưởng các phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, các khoa, bộ môn và phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SĐH.



## QUY CHẾ ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 177 /QĐ-HVYDCT ngày 19 tháng 02 năm 2023  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

### CHƯƠNG I

#### MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

##### Điều 1. Mục tiêu

1. Đào tạo bác sĩ nội trú (sau đây gọi tắt là BSNT) là loại hình đào tạo sau đại học đặc thù của ngành y tế, nhằm mục đích đào tạo các bác sĩ chuyên khoa có kiến thức khoa học cơ bản vững, kiến thức chuyên ngành hệ thống, kỹ năng thực hành cao, chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn cơ bản thuộc chuyên ngành đào tạo.

2. Đào tạo BSNT là một trong những phương thức đào tạo những chuyên gia giỏi, nhân tài trẻ của ngành y tế áp dụng cho các chuyên ngành Y học cổ truyền (sau đây gọi tắt là YHCT).

##### Điều 2. Đối tượng đào tạo

1. Bác sĩ mới tốt nghiệp hệ chính quy chuyên ngành YHCT, có nguyện vọng học BSNT, tự nguyện làm đơn xin dự thi và chỉ được dự thi một lần ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

2. Người nước ngoài muốn học bác sĩ nội trú phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy chế này và phải được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

##### Điều 3. Điều kiện dự thi tuyển

1. Các học viên có đủ các điều kiện sau đây được dự thi tuyển đào tạo trình độ BSNT ngành YHCT:

a) Có bằng tốt nghiệp bác sĩ ngành YHCT và đạt từ loại khá trở lên;





b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá 2 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe, thai sản).

d) Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

2. Học viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, nếu có đủ các điều kiện được nêu trong điểm b, c và d khoản 1 Điều này được xét miễn thi tuyển.

#### **Điều 4. Hồ sơ xin dự tuyển gồm:**

1. Phiếu đăng ký dự thi ghi rõ ngành xin học, môn ngoại ngữ dự xét tuyển và cam kết chấp hành phân công công tác sau khi tốt nghiệp (nếu có).

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của trường đại học.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định hiện hành.

5. 04 ảnh 3x4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

6. Bản sao bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học ngành YHCT (công chứng).

7. Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (công chứng).

8. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, công chứng).



## **Điều 5. Hình thức đào tạo**

Đào tạo BSNT ngành YHCT chỉ có một hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian đào tạo là 03 năm, học viên phải thường trú tại bệnh viện hoặc cơ sở thực hành khác phù hợp với yêu cầu của từng chuyên ngành để học tập, làm việc thường xuyên (trừ những buổi học tại Học viện do Học viện quy định).

## **CHƯƠNG II**

### **TỔ CHỨC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Cơ sở đào tạo**

1. Cơ sở đào tạo BSNT là Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, kết hợp với bệnh viện, viện nghiên cứu hoặc các cơ sở thực hành khác.

2. Tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo BSNT:

a) Có chương trình đào tạo được phê duyệt.

b) Có đủ đội ngũ giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II. Số lượng tối thiểu 3 giảng viên chuyên ngành cho mỗi chuyên ngành đào tạo và không quá 1/3 là giảng viên thỉnh giảng.

Mỗi học viên học BSNT phải có một giảng viên đủ tiêu chuẩn nói trên phụ trách trực tiếp. Một giảng viên chuyên ngành phụ trách tối đa 03 học viên.

c) Có bệnh viện và cơ sở thực hành đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Có cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ dạy học: phòng thí nghiệm, phương tiện giảng dạy, thư viện có tạp chí chuyên môn, giáo trình, sách giáo khoa.

#### **Điều 7. Thi tuyển**

1. Đề thi tuyển sinh:

a) Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ BSNT phải đảm bảo các điều kiện:

- Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh.

- Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi.

- Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của cơ sở đào tạo, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

b) Dạng thức đề thi do Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn.

c) Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

- Ra đề các môn Khoa học cơ sở, môn Chuyên ngành phải là tiến sĩ hoặc tương đương;

- Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

d) Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập

- Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 03 đề thi;

- Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 03 đề thi nguồn do 03 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

đ) Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

e) Thang điểm của đề thi là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

f) Giám đốc Học viện quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của Học viện.

g) Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của Học viện; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

2. Tổ chức thi tuyển sinh: Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

3. Chấm thi tuyển sinh: Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### **Điều 8. Các môn thi tuyển**

1. Môn thi 1: Toán xác suất thống kê.
2. Môn thi 2: Sinh lý.
3. Môn thi 3: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền
4. Môn thi 4: Bệnh học Y học cổ truyền.

**Điều 9. Hội đồng tuyển sinh:** Theo Quy định thực hiện công tác Tuyển sinh sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### **Điều 10. Điều kiện trúng tuyển**

1. Các môn thi đều phải đạt từ 5,5 trở lên, riêng môn chuyên ngành (Lý luận Y học cổ truyền, Bệnh học Y học cổ truyền) phải đạt 7 điểm trở lên (thang điểm 10, làm tròn đến 0,5).

2. Tổng 4 môn được xếp theo thứ tự từ trên xuống để xét tuyển theo chỉ tiêu công bố.

3. Nếu số thí sinh đạt ít hơn số chỉ tiêu đào tạo thì cũng không lấy thêm.

4. Nếu thí sinh có các điều kiện xét tuyển như nhau ưu tiên thứ tự: điểm chuyên ngành; văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ; kết quả học tập; giới tính; dân tộc;...



### **Điều 11. Công nhận trúng tuyển**

Giám đốc Học viện ban hành quyết định công nhận trúng tuyển BSNT.

### **Điều 12. Chương trình đào tạo BSNT**

1. Khung chương trình gồm 100 tín chỉ, trong đó phần thực hành không ít hơn 50%, cụ thể như sau:

a) Các môn chung (Triết học, ngoại ngữ, tin học) chiếm khoảng 8% - 15%.

b) Các môn cơ sở và hỗ trợ chiếm khoảng 10% - 14%.

c) Môn chuyên ngành: khoảng 50% - 64%.

d) Luận văn: khoảng 18%.

2. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

b) Mỗi khóa học, Giám đốc Học viện phải xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

c) Giám đốc Học viện quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo BSNT phù hợp định hướng, chiến lược và tầm nhìn của Học viện.

### **Điều 13. Tổ chức đào tạo**

1. Đào tạo trình độ BSNT được thực hiện theo học chế tín chỉ.

a) Các khóa học trình độ BSNT được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

b) Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo BSNT được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên

ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

c) Đầu khóa học, Phòng đào tạo sau đại học thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch học tập; thời gian tổ chức thi tốt nghiệp; và các quy định của Nhà trường có liên quan đến khóa học. Khoa/viện/bộ môn sẽ chịu trách nhiệm cung cấp đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch kiểm tra, thi, ngay khi bắt đầu học phần về Phòng đào tạo sau đại học và học viên.

d) Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần. Đề cương cũng phải nêu rõ hình thức và phương pháp đánh giá theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Quy định này.

2. Giảng viên đào tạo BSNT là người làm nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ BSNT hoặc hướng dẫn học viên thực hiện đề tài luận văn BSNT.

a) Đối với học phần cơ sở và hỗ trợ, hướng dẫn thực hành: giảng viên phải có bằng CKII hoặc Tiến sĩ hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học hoặc là giảng viên chính/bác sĩ chính/dược sĩ chính trở lên.

b) Đối với học phần chuyên ngành: giảng viên phải có bằng CKII hoặc Tiến sĩ hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư hoặc Tiến sĩ khoa học hoặc là giảng viên chính/bác sĩ chính/dược sĩ chính trở lên.

c) Đối với người hướng dẫn luận văn tốt nghiệp BSNT: Thực hiện theo Quy định đối với người hướng dẫn luận văn, luận án sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### **Điều 14. Đánh giá các học phần**

1. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành: căn cứ vào tỷ lệ từng phần để tổng hợp thành điểm chung.

2. Các học phần chuyên ngành: điểm lý thuyết và lâm sàng tính độc lập.  
3. Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6 điểm trở lên, riêng môn chuyên ngành phải đạt từ 7 trở lên thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5 điểm).

4. Học viên có ít hơn hoặc bằng 1/3 số chứng chỉ không đạt, được thi lần 2; có quá 1/3 chứng chỉ không đạt hoặc có bất kỳ chứng chỉ nào thi lần 2 không đạt, buộc phải thôi học.

5. Hình thức thi kết thúc học phần: Thi kết thúc học phần (TKTHP) được thực hiện khi đã hoàn thành toàn bộ nội dung của học phần. Hình thức TKTHP được quy định như sau:

a) Lý thuyết: Viết hoặc báo cáo chuyên đề/hoặc tự luận/hoặc thi test trắc nghiệm khách quan (ngoại trừ học phần Tiếng Anh, Tin học ứng dụng) hoặc hình thức khác do Giám đốc quyết định phù hợp với học phần trên cơ sở đề xuất của đơn vị phụ trách học phần.

b) Thực hành/lâm sàng: Thi thực hành hoặc tình huống ca bệnh lâm sàng.

6. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

a) Học viên phải hoàn thành chế độ tài chính đối với học viên BSNT do Nhà trường quy định (nếu có). Phòng Tài chính - kế toán gửi danh sách học viên chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Phòng đào tạo sau đại học trước khi tổ chức thi học phần 1 tuần.

b) Với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: học viên phải tham gia học thực hành đầy đủ và tham gia học trên 80% số tiết học lý thuyết quy định của học phần đó. Nghỉ học thực hành phải học bù đầy đủ mới được xét dự thi kết thúc học phần. Học viên chỉ đăng ký thi lý thuyết sau khi hoàn thành điểm thi thực hành. Học viên không đủ điều kiện thi kết thúc học phần phải làm thủ tục học lại và chi trả theo đúng quy định hiện hành.

c) Học viên nghỉ học lý thuyết quá 20% số giờ lý thuyết ở học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó. Chi phí học lại do học viên chi trả theo quy định hiện hành.

d) Có đủ các điểm kiểm tra thành phần theo quy định của từng học phần.



đ) Với các học phần thực hành chuyên ngành: Bộ môn quy định các chỉ tiêu thực hành cho từng học phần. Học viên chỉ đủ điều kiện thi kết thúc học phần thực hành chuyên ngành nếu đạt từ 90% chỉ tiêu thực hành quy định cho học phần đó.

e) Với các học phần có tham gia trực tại bệnh viện, học viên phải tham gia trực theo lịch phân công của Khoa/bộ môn chuyên môn. Nếu học viên bỏ trực 01 buổi không có lý do chính đáng sẽ học lại và chịu hình thức kỷ luật của Học viện.

f) Học viên muốn hoãn thi phải nộp đơn có ý kiến của Trưởng Khoa/bộ môn chuyên môn, cùng các giấy tờ có liên quan cho Phòng đào tạo sau đại học trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần và phải thi trả nợ học phần trong kỳ thi kế tiếp.

g) Trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần, Khoa/bộ môn chuyên môn gửi danh sách học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần cho Phòng đào tạo sau đại học. Việc tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện trong tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần đối với cả thi kết thúc học phần lý thuyết và thi kết thúc học phần thực hành trừ những học phần thi kết thúc học phần bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm thi thực hiện theo lịch của Phòng đào tạo sau đại học. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ tối đa không quá 30 ngày sau khi kết thúc học phần.

h) Thời gian đánh giá kết thúc học phần được tổ chức sau khi hoàn thành thời gian học theo kế hoạch của Học viện như sau:

- Thời gian trả kết quả đánh giá: Bộ môn gửi bảng điểm về phòng Đào tạo sau đại học chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi đánh giá kết thúc học phần.

i) Hình thức đánh giá kết thúc học phần: Theo đề cương chi tiết học phần quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 13 quy chế này.

7. Trong trường hợp đặc biệt Giám đốc Học viện quyết định hình thức đánh giá kết thúc học phần, đơn vị tổ chức đánh giá, chấm đánh giá và Trưởng

khoa chịu trách nhiệm tổng kết điểm học phần gửi về phòng Đào tạo sau đại học đúng thời gian quy định.

### **Điều 15. Luận văn**

1. Người hướng dẫn BSNT làm luận văn tốt nghiệp do Giám đốc Học viện xem xét và quyết định.

2. Đề cương luận văn tốt nghiệp BSNT: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

3. Hướng dẫn luận văn: Người hướng dẫn phải đảm bảo đủ điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 điều 13 của quy định này. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và phân công người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai.

4. Yêu cầu đối với luận văn: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

5. Điều kiện học viên được bảo vệ luận văn.

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, thi tốt nghiệp môn chuyên ngành đạt yêu cầu ( $\geq 7$  điểm);

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày bảo vệ luận văn.

c) Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính;

d) Luận văn đảm bảo đủ điều kiện quy định tại điều 15 của quy định này;

đ) Có lý lịch khoa học xác nhận của Học viện;

e) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

f) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn;

g) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan về kết quả nghiên cứu trung thực và có xác nhận của người hướng dẫn bằng văn bản khẳng định chất lượng luận văn, có nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của học viên và đề nghị cho học viên được bảo vệ luận văn;

#### 6. Quy trình thực hiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp

a) Căn cứ vào lịch bảo vệ, học viên hoàn thiện luận văn và nộp hồ sơ xin bảo vệ về Khoa Y học lâm sàng (ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ) hồ sơ bảo vệ gồm:

- Luận văn hoàn chỉnh, hình thức đúng quy định, có ý kiến đồng ý đưa ra bảo vệ của người hướng dẫn (7 cuốn);

- Lý lịch khoa học của học viên (có mẫu);

- Bản nhận xét quá trình học tập của học viên có xác nhận của Khoa Y học lâm sàng;

- Danh sách đề nghị Hội đồng chấm luận văn của đơn vị đào tạo (gồm 7 thành viên);

- Bản nhận xét của người hướng dẫn về học viên trong thời gian thực hiện đề tài;

- Bản sao (không cần công chứng) bằng tốt nghiệp Đại học;

- Giấy xác nhận đóng học phí và lệ phí học tập.

- Bài báo khoa học liên quan đến đề tài (nếu có, đóng cùng luận văn sau phần Khuyến nghị):

+ Bài báo: Phô tô trang bìa tạp chí, trang mục lục và toàn văn bài báo;

+ Giấy xác nhận đăng bài: Bản chính giấy xác nhận đăng bài và toàn văn bài báo gửi đăng;



- Danh sách đối tượng nghiên cứu có xác nhận của cơ quan nơi thu thập số liệu và người hướng dẫn;

- Giấy đề xuất 02 thành viên không mong muốn tham dự Hội đồng (nếu có); để trong phong bì dán kín ghi rõ gửi Trưởng phòng Đào tạo sau đại học cùng hồ sơ bảo vệ.

b) Khoa Y học lâm sàng gửi 1 cuốn luận văn và hồ sơ của học viên về Phòng Đào tạo sau đại học trước ngày bảo vệ của học viên ít nhất là 15 ngày làm việc.

c) Phòng Đào tạo sau đại học trình Giám đốc ra Quyết định thành lập Hội đồng chấm và gửi quyết định, giấy mời về Khoa y học lâm sàng trước ngày bảo vệ luận văn ít nhất là 7 ngày.

d) Khoa Y học lâm sàng gửi luận văn, mẫu nhận xét luận văn, quyết định, giấy mời đến các thành viên Hội đồng và người hướng dẫn trước ngày bảo vệ luận văn ít nhất là 5 ngày.

đ) Các thành viên Hội đồng gửi bản nhận xét hoặc góp ý về luận văn về Phòng Đào tạo sau đại học trước ngày bảo vệ luận văn của học viên.

e) Sau ngày bảo vệ luận văn tối đa 10 ngày làm việc, học viên phải nộp 01 luận văn đã chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng); 01 đĩa CD chứa toàn bộ nội dung của luận văn cho Phòng Đào tạo sau đại học cùng xác nhận đã nộp quyền luận văn và đĩa CD của Thư viện, và gửi bản mềm về hộp thư [saudaihocydct@gmail.com](mailto:saudaihocydct@gmail.com) để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ, công khai theo quy định.

### **Điều 16. Thi tốt nghiệp**

1. Điều kiện thi tốt nghiệp: Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú quy định tại Điều 12 và đạt điểm kết thúc các môn học/học phần quy định tại Điều 14, không vi phạm kỷ luật trong quá trình học tập.

2. Thi tốt nghiệp gồm bảo vệ luận văn, môn chuyên ngành, môn ngoại ngữ, các điểm thi tốt nghiệp đều phải đạt từ 7 điểm trở lên (thang điểm 10):

a) Bảo vệ luận văn: Luận văn được trình bày trước hội đồng chấm luận văn trong 20 phút;

b) Môn thi chuyên ngành: thi lý thuyết và thực hành. Điểm của mỗi phần được giữ độc lập;

c) Môn ngoại ngữ: đề thi trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Học viên được miễn thi tốt nghiệp ngoại ngữ khi có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày xét thi tốt nghiệp.

3. Hội đồng thi tốt nghiệp do Giám đốc Học viện quyết định thành lập.

4. Hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp BSNT: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

5. Đánh giá luận văn tốt nghiệp BSNT: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

6. Thẩm định luận văn tốt nghiệp BSNT: Thực hiện theo Quy định về đề cương, luận văn sau đại học hiện hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

### **Điều 17. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng**

1. Giám đốc Học viện ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp BSNT

2. Học viên tốt nghiệp được cấp bằng Bác sĩ nội trú, bằng Chuyên khoa cấp I; bằng Thạc sĩ khi đáp ứng quy chế đào tạo Thạc sĩ và các văn bản quy định hiện hành.

3. Giám đốc Học viện ký bằng tốt nghiệp.

### CHƯƠNG III

#### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌC VIÊN

##### **Điều 18. Nhiệm vụ**

1. Học viên phải chấp hành đầy đủ các quy chế, quy định về đào tạo BSNT, các quy chế, quy định của cơ sở thực hành và Học viện.

2. Học viên phải hoàn thành kế hoạch học tập và thi tốt nghiệp đúng thời hạn quy định. Học viên có lý do chính đáng có thể được tạm dừng học tập một lần và được bảo lưu kết quả học tập một năm.

3. Phải đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của Học viện.

4. Học viên phải thường trú tại viện, bệnh viện hoặc các cơ sở thực hành khác để học tập và làm việc trừ thời gian lên lớp do Học viện quy định.

5. Tham gia hướng dẫn thực tập cho các lớp sinh viên khi được phân công.

6. Sau khi tốt nghiệp học viên phải chấp hành sự điều động công tác của Bộ Y tế (nếu có).

7. Học viên vi phạm quy chế học tập, quy chế thi, quy chế bệnh viện sẽ bị kỷ luật theo quy định hiện hành.

8. Học viên đi thi hộ, kiểm tra hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, kiểm tra hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

##### **Điều 19. Quyền lợi**

1. Học viên được sử dụng thư viện, các tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm để phục vụ học tập, nghiên cứu và làm luận văn tốt nghiệp.



2. Học viên được hưởng học bổng ưu đãi và các khoản phụ cấp khác trong thời gian học tập (nếu có); được cấp phát phương tiện bảo hộ lao động; được bố trí chỗ ở tại bệnh viện hoặc cơ sở thực hành (nếu có).

3. Học viên tốt nghiệp loại xuất sắc được đề đạt nguyện vọng công tác, được xem xét miễn thi tuyển chuyên khoa cấp II nếu có nhu cầu.

## CHƯƠNG IV

### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN

#### Điều 20. Nhiệm vụ

1. Giảng viên có nhiệm vụ tham gia xây dựng kế hoạch bài giảng và biên soạn bài giảng theo nhiệm vụ được phân công.

2. Hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc học viên học tập đảm bảo đúng kế hoạch và chất lượng đào tạo.

#### Điều 21. Quyền lợi

1. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

2. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

3. Được hưởng chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ BSNT theo quy định của Nhà nước và Học viện.

4. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ BSNT.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

6. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện nghiên cứu đề tài;

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực thành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo trong trường hợp: sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định phân công người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị cơ sở đào tạo cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp ứng các yêu cầu quy theo quy định.

## **CHƯƠNG V**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

#### **Điều 22. Trách nhiệm của Học viện**

1. Học viện quản lý toàn bộ quá trình đào tạo theo quy chế.
2. Học viện có trách nhiệm kết hợp với bệnh viện thực hành trong quá trình đào tạo đảm bảo việc thực hành cho học viên chuyên khoa.
3. Giám đốc Học viện gửi văn bản báo cáo Bộ Y tế (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) về kết quả sau mỗi kỳ thi tuyển sinh hoặc thi tốt nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công nhận trúng tuyển hoặc tốt nghiệp.

#### **Điều 23. Trách nhiệm của viện, bệnh viện và cơ sở thực hành khác**

1. Các viện, bệnh viện và cơ sở y tế được Học viện đề nghị là cơ sở thực hành và Bộ Y tế công nhận, có trách nhiệm cùng tham gia đào tạo với Học viện đảm bảo kế hoạch nhiệm vụ được phân công.
2. Các viện/bệnh viện khác có thể là cơ quan phối hợp với Học viện trong việc giảng dạy chuyên môn cho học viên khi được yêu cầu.

#### **Điều 24. Kinh phí đào tạo**

Học viện được phép quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo BSNT và các

nguồn thu khác theo quy định.

## CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

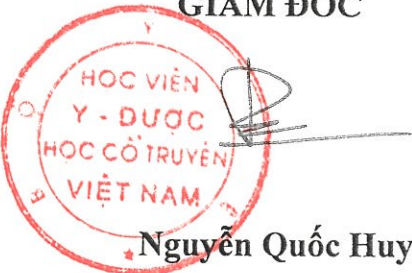
### **Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Quy định này gồm 6 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành, các quy định, hướng dẫn trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

2. Phòng Đào tạo sau đại học, Viện/Khoa/Bộ môn, các đơn vị liên quan và cá nhân tham gia đào tạo trình độ BSNT của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cá nhân và các đơn vị trao đổi, phản ánh để Học viện nghiên cứu, bổ sung và chỉnh sửa phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, sau khi dựa vào đề xuất hoặc tham khảo các đơn vị liên quan, Giám đốc Học viện quyết định bổ sung các quy định phù hợp với quy định hiện hành để bảo đảm: chất lượng đào tạo, kế hoạch của khoá đào tạo, quyền lợi của học viên./.

**GIÁM ĐỐC**



\* Nguyễn Quốc Huy